

Số: 07/HD-SNV

Ninh Bình, ngày 23 tháng 11 năm 2015

SỞ TƯ PHÁP TỈNH NINH BÌNH

ĐẾN Số: 2375

Ngày: 25/11/2015

Chuyển: VP. Nguyễn Kỳ

HƯỚNG DẪN

Tổng kết công tác thi đua, khen thưởng

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Thực hiện Công văn số 258/UBND-VP7 ngày 03 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh Ninh Bình quy định về công tác khen thưởng, Sở Nội vụ hướng dẫn tổng kết công tác thi đua, khen thưởng hàng năm như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Nhằm đánh giá kết quả các phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội hàng năm, gắn với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

2. Khắc phục những hạn chế yếu kém, rút ra những bài học kinh nghiệm. Xây dựng phương hướng, nội dung, giải pháp đẩy mạnh công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với đặc điểm tình hình, chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, Khối thi đua (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị).

3. Tổng kết và bình xét khen thưởng phải tiến hành một cách công khai, dân chủ, công bằng, kịp thời; kết quả bình xét khen thưởng phải phản ánh thực chất phong trào thi đua, đúng công lao thành tích của tập thể, cá nhân.

II. VỀ NỘI DUNG TỔNG KẾT CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, các chỉ tiêu, kế hoạch và những nhiệm vụ được giao và giao ước thi đua trong năm của mỗi cơ quan, đơn vị xây dựng báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng hàng năm, với một số nội dung trọng tâm sau:

1. Về nội dung báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng

1.1. Công tác tham mưu cho lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng:

a) Trong việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng: Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới quyết định, quy chế thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị theo quy định mới của Luật, Nghị định và Thông tư về công tác thi đua, khen thưởng;

b) Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng trong việc kiện toàn, xây dựng quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; việc triển khai các phong trào thi đua, bình xét danh hiệu thi đua và khen thưởng; vai trò, trách nhiệm của các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

1.2. Kết quả tổ chức các phong trào thi đua

a) Đánh giá kết quả tổ chức các phong trào thi đua do Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương tổ chức phát động; tác động hiệu quả của các phong trào thi đua đối với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của mỗi cơ quan, đơn vị;

b) Đánh giá kết quả thực hiện phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" của mỗi cơ quan, đơn vị; kết quả đạt được, những đổi mới, sáng tạo trong tổ chức thực hiện phong trào;

c) Đánh giá kết quả hoạt động của các khối thi đua thuộc tỉnh, các khối thi đua thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh; UBND các huyện, thành phố (đánh giá nội dung, chất lượng hoạt động của khối thi đua; việc bình xét, suy tôn danh hiệu thi đua).

1.3. Công tác tuyên truyền nhân rộng điển hình tiên tiến

a) Làm rõ cách thức tuyên truyền, phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng điển hình tiên tiến; số lượng các điển hình tiên tiến và các điển hình mới được phát hiện ở các cấp, các ngành theo Chỉ thị 39-CT/TW của Bộ Chính trị;

b) Kết quả phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh truyền hình trong việc tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng, đặc biệt là phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới".

1.4. Công tác khen thưởng

a) Nội dung đổi mới nâng cao chất lượng công tác khen thưởng; biện pháp, giải pháp làm tăng tỷ lệ khen thưởng đối với nông dân, công nhân, chiến sỹ, người lao động trực tiếp và công chức, viên chức (không giữ chức vụ lãnh đạo cấp phòng và tương đương trở lên);

b) Tổng hợp và phân tích kết quả khen thưởng trong năm so với năm trước.

1.5. Công tác thanh tra, kiểm tra và công tác xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng

a) Kết quả kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng đối với các đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã;

b) Kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị.

c) Trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác thi đua, khen thưởng; nêu rõ những mặt mạnh, những mặt hạn chế và nguyên nhân.

1.6. Đánh giá chung

Những ưu điểm; tồn tại, hạn chế; nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục; những đề xuất, kiến nghị nhằm đẩy mạnh việc tổ chức thực hiện các phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1.7. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm tiếp theo

2. Về thời gian nộp báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; Bản đăng ký giao ước thi đua

Báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị hàng năm gửi về Sở Nội vụ trước ngày 25/12, riêng ngành giáo dục và đào tạo trước ngày 20/6. Bản giao ước thi đua và danh sách đăng ký thi đua của các cơ quan, đơn vị gửi trước ngày 15/02, riêng ngành giáo dục và đào tạo gửi trước ngày 10/9 hàng năm.

III. QUY ĐỊNH VỀ BÌNH XÉT KHEN THƯỞNG

1. Nguyên tắc khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quy chế thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 03/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi tắt là Quy chế thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND).

2. Danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn xét tặng các danh hiệu thi đua

Việc xét tặng các danh hiệu thi đua cho các tập thể, cá nhân được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND, cụ thể:

2.1. Đối với tập thể

2.1.1. Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động

Xét tặng cho các tập thể đạt tiêu chuẩn điều kiện theo quy định tại Khoản 30, Khoản 31 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013.

2.1.2. Danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ

Được xét tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 25 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Khoản 1, 3, 4 Điều 16 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 6 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 7 Thông tư số 07/2014/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và có đăng ký phấn đấu đạt danh hiệu Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ theo quy định;

2.1.3. Danh hiệu Cờ thi đua của UBND tỉnh

Được xét tặng cho các tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu trong các phong trào thi đua tại các Khối thi đua của tỉnh; các cơ quan, đơn vị được bình xét, suy tôn hàng năm đạt tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 26 của Luật Thi đua, Khen thưởng (năm 2003) và Khoản 1, Khoản 4 Điều 16 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

Chú ý: Không xét tặng cho các phòng, ban và tương đương trực thuộc Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh (trừ các cơ quan, đơn vị có các khối thi đua trực thuộc).

2.1.4. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”

Được xét tặng cho các tập thể đạt tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Điều 17 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 6 Thông tư số 07/2014/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chú ý: Danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” chỉ xét tặng cho các tập thể là lực lượng dân quân, tự vệ các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp; Ban Chỉ huy quân sự và Công an các xã, thị trấn (nơi không bố trí lực lượng quân sự, công an chính quy). Không xét tặng cho các tập thể thuộc lực lượng vũ trang thường trực (lực lượng quân sự, công an chính quy) trên địa bàn tỉnh.

2.1.5. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”

Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Điều 17 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 6 Thông tư số 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

2.1.6. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn, làng, bản, tổ dân phố văn hóa” và tương đương

Thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Điều 18 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 8 Thông tư số 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ, Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2.2. Đối với cá nhân

2.2.1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”

Được xét tặng cho các cá nhân đạt tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật: Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Điều 5 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Một số lưu ý khi bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”:

a) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”;

b) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”;

c) Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái);

d) Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” đối với một trong các trường hợp: Mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên;

2.2.2. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở”

Được xét tặng cho các cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” và các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 5 Thông tư số 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Chú ý: Tỷ lệ xét công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở” không vượt quá 15% tổng số cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”.

2.2.3. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”

Được xét tặng cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 22 của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

2.4. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”

Được xét tặng hàng năm cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Điều 3 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 4 Thông tư số 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

3. Các hình thức khen thưởng và tiêu chuẩn xét tặng

3.1. Đối với tập thể

3.1.1. Huân chương Độc lập hạng Nhất, hạng Nhì và hạng Ba

Được xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 9, Khoản 3 Điều 10 và Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

3.1.2. Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì và hạng Ba

Được xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 4 Điều 15, Khoản 4 Điều 16, Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

3.1.3. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Được xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

3.1.4. Bằng khen của UBND tỉnh

Được xét tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 9 Quy chế thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND;

Chú ý: Đối với những đơn vị có từ 01 đến 02 phòng thì chỉ xét tặng một trong hai loại hoặc Bằng khen hoặc danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” nếu đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

3.1.5. Giấy khen của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Được xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Khoản 41, Khoản 42 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Điều 25 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

3.2. Đối với cá nhân

3.2.1. Huân chương Độc lập hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba

Được xét tặng cho các cá nhân đạt tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 9, 10, 11 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

3.2.2. Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba

Được xét tặng cho các cá nhân đạt tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 15; Khoản 1, Khoản 2 Điều 16, Khoản 1, Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

3.2.3. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Được xét tặng cho các cá nhân và gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4 Điều 23 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

3.2.4. Bằng khen của UBND tỉnh

Được xét tặng cho các cá nhân và gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn theo quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 5 Điều 9 Quy chế thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND.

Chú ý: Các cá nhân đề nghị UBND tỉnh khen thưởng phải đảm bảo ít nhất 50% là công chức, viên chức, người lao động trực tiếp (không giữ chức vụ lãnh đạo từ cấp phòng và tương đương trở lên).

3.2.5. Giấy khen của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp

Được xét tặng cho các cá nhân và gia đình đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 74 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Khoản 41, Khoản 42 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Điều 25 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

3.3. Khen thưởng cho đối tượng có quá trình cống hiến lâu dài

Thực hiện theo quy định tại các Điều 9, 10, 11; Khoản 3 Điều 15, Khoản 3 Điều 16, Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ; Điều 11 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ.

3.4. Khen thưởng đột xuất, khen thưởng chuyên đề

a) Những trường hợp đề nghị khen thưởng đột xuất thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Quy chế thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND;

b) Khen thưởng theo chuyên đề thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 Quy chế thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND và Công văn số 258/UBND-VP7 ngày 03/7/2015 của UBND tỉnh Ninh Bình quy định về công tác khen thưởng và hướng dẫn của, Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương.

IV. THẨM QUYỀN KHEN THƯỞNG, TRÌNH KHEN THƯỞNG VÀ TUYỂN TRÌNH

1. Thẩm quyền và tuyển trình khen thưởng

1.1. Được thực hiện theo quy định tại Điều 51, Điều 53 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; Điều 26 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 20 Thông tư số 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

1.2. Riêng đối với tổ chức Công đoàn: Theo Công văn số 206/BTĐKT-VI ngày 10/02/2015 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thì tuyển trình khen thưởng đối với tổ chức Công đoàn được thực hiện như sau:

a) Thẩm quyền của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh: Công nhận danh hiệu “Cờ thi đua Liên đoàn Lao động cấp tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” và khen thưởng bằng hình thức Bằng khen; trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng thưởng Bằng khen; trình Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc: Cơ quan Liên đoàn Lao động tỉnh, Trường Trung cấp nghề Kinh tế Kỹ thuật Công đoàn Ninh Bình, Công đoàn Viên chức tỉnh và Công đoàn các Khu công nghiệp;

b) Thẩm quyền của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có Công đoàn ngành chuyên trách cấp tỉnh (các Sở: Công thương, Xây dựng, Giao thông, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm bình xét và khen thưởng theo thẩm quyền các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng sau: danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” và khen thưởng bằng hình thức Giấy khen cho các tập thể, cá nhân Công đoàn ngành và Liên đoàn Lao động cấp huyện; trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”, trình xét “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” và các hình thức khen thưởng của UBND tỉnh, khen thưởng cấp Nhà nước cho các tập thể, cá nhân thuộc Công đoàn ngành và Liên đoàn Lao động cấp huyện;

Chú ý: Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác không quy định ở mục 1.2 của Hướng dẫn này, mà thuộc hệ thống Liên đoàn Lao động thì thực hiện theo Quyết định số 1564/QĐ-TLĐ ngày 24/12/2014 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc ban hành Quy chế khen thưởng của tổ chức Công đoàn;

Việc đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho các tập thể, cá nhân thuộc Công đoàn ngành cấp tỉnh và cấp huyện phải có ý kiến hiệp y của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh.

2. Các trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu “Anh hùng lao động”, “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”, “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị từ 90% trở lên; các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác phải có số phiếu đồng ý từ 80% trở lên.

3. Không xét tặng Bằng khen và danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho cùng một tập thể và cá nhân khi đề nghị khen thưởng tổng kết năm.

4. Những trường hợp không xét hoặc chưa xét khen thưởng

a) Không xét tặng hoặc đề nghị cấp trên tặng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân mất đoàn kết, có đơn thư khiếu nại, tố cáo, đang xem xét xử lý kỷ luật, đang xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên hoặc dư luận báo chí đưa tin về những sai phạm tiêu cực chưa được kiểm tra làm rõ;

b) Không xét khen thưởng các đơn vị không tham gia các khối thi đua, không đăng ký, ký kết giao ước thi đua, hoặc có đăng ký, ký kết thi đua nhưng không tổ chức phát động thi đua;

c) Không khen thưởng đối với người bị kỷ luật khai trừ Đảng, bị kỷ luật buộc thôi việc; bị tước danh hiệu quân nhân, quân hàm sĩ quan hoặc quân hàm chuyên nghiệp, bị toà án tuyên có tội. Đối với cán bộ bị kỷ luật khai trừ Đảng, sau đó đã sửa chữa khuyết điểm, phấn đấu và được kết nạp lại vào Đảng, nếu đạt tiêu chuẩn quy định thì được xét khen thưởng;

d) Hạ một mức khen thưởng đối với người đã bị kỷ luật lưu Đảng, khai trừ Đảng sau đó được kết nạp lại và những người: bị cách chức, giáng chức, giáng cấp bậc quân hàm, hạ bậc lương, cảnh cáo. Hình thức kỷ luật của cá nhân chỉ xem xét một lần đối với một hình thức khen thưởng (những lần xét khen sau không căn cứ vào hình thức kỷ luật đã xét khen lần trước).

V. PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG XÉT TẶNG CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG:

1. Cờ thi đua của Chính phủ

UBND tỉnh xét chọn trong số các đơn vị được xét tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh và bộ, ngành, đoàn thể trung ương, có đăng ký thi đua theo quy định.

2. Cờ thi đua của UBND tỉnh

Các cơ quan, đơn vị, địa phương được xét tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh thực hiện theo Quy chế thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND và Công văn số 258/UBND-VP7 ngày 03/7/2015 của UBND tỉnh.

3. Danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng"

Căn cứ vào số lượng phòng, ban, và đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh; UBND các huyện, thành phố (theo biểu phân bổ 01 đính kèm).

4. Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh"

(theo biểu phân bổ số 02 đính kèm).

5. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Đối với các Khối thi đua của tỉnh (theo biểu phân bổ số 03 đính kèm).

b) Đối với các tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương (theo biểu phân bổ số 03 đính kèm).

6. Ngành giáo dục và Đào tạo

Số lượng xét tặng các danh hiệu thi đua hình thức khen thưởng thực hiện theo biểu phân bổ số 04 đính kèm.

VI. QUY TRÌNH THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

1. Thành phần hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1.1. Hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước lập thành 03 bộ bản chính (đối với trường hợp đề nghị Chính phủ tặng Cờ thi đua, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen), 04 bộ bản chính (đối với trường hợp đề nghị tặng Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương), gồm:

a) Tờ trình kèm theo danh sách các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp;

b) Báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng (8 - 10 trang A4);

c) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp;

d) Biên bản ghi kết quả niêm yết lấy ý kiến đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị (theo quy định tại Điều 16 Quy chế thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND);

đ) Giấy xác nhận đề tài, sáng kiến cấp cơ sở của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp; Quyết định tặng thưởng Bằng khen hoặc bản photo Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (đối với cá nhân đề nghị xét tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ);

Giấy xác nhận đề tài, sáng kiến cấp bộ, ngành tỉnh của Hội đồng Khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp bộ, ngành, tỉnh; Quyết định tặng thưởng Bằng khen hoặc bản photo Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (đối với cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Huân chương Lao động các hạng).

Chú ý: Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, ở tỉnh; các cá nhân là Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, ở tỉnh đề nghị khen thưởng thì báo cáo thành tích phải nộp 04 bản (đối với trường hợp đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc và Bằng khen); 05 bản (đối với trường hợp đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương các hạng, các loại).

1.2. Hồ sơ đề nghị tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của UBND tỉnh, gồm 01 bộ (bản chính):

a) Tờ trình kèm theo danh sách các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp;

b) Báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng (5 - 6 trang A4);

c) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp;

d) Giấy xác nhận đề tài, sáng kiến cấp cơ sở (của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp); đề tài, sáng kiến cấp bộ, ngành tỉnh (của Hội đồng Khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp bộ, ngành, tỉnh).

1.3. Hồ sơ khen thưởng đột xuất, gồm 01 bộ (bản chính):

a) Tờ trình đề nghị của Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố;

b) Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

2. Mẫu báo cáo thành tích

Thực hiện theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ.

3. Thẩm định hồ sơ khen thưởng

a) Khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của các cơ quan, đơn vị: Bộ phận phụ trách công tác đua, khen thưởng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ khen thưởng trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp vượt quá thẩm quyền khen thưởng thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định;

b) Khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Ban Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ khen thưởng trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng theo thẩm quyền và tham mưu cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, UBND tỉnh trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng theo quy định.

Chú ý: Thời gian thẩm định hồ sơ trình cấp có thẩm quyền khen thưởng thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ và Điều 16 Quy chế thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND.

4. Thời gian nộp hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh và cấp Nhà nước

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước và của UBND tỉnh gửi hồ sơ về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 20 tháng 01 hàng năm. Riêng ngành Giáo dục và Đào tạo gửi hồ sơ trước ngày 20 tháng 6 hàng năm.

5. Quản lý và Lưu trữ hồ sơ thi đua khen thưởng

Các đơn vị chuyên trách, bộ phận phụ trách công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm thống kê, tổng hợp và lập hồ sơ lưu trữ về công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương để lưu trữ theo quy định hiện hành.

Trên đây là hướng dẫn tổng kết công tác thi đua, khen thưởng, Sở Nội vụ đề nghị các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, UBND các huyện, thành phố, Khối trưởng các khối thi đua của tỉnh triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) để xem xét, giải quyết. /

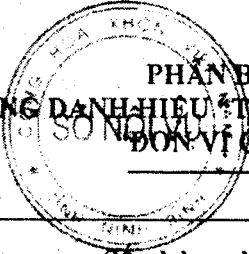
Nơi nhận: *ant*

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các Ban của Đảng;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn;
- Trưởng, Phó các Khối thi đua của tỉnh;
- Lưu VT. L.C.B *h*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



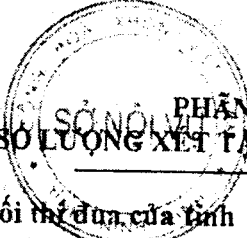
Trần Đức Minh


PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG
XÉT TẶNG DANH HIỆU "TẬP THỂ LAO ĐỘNG XUẤT SẮC",
ĐƠN VỊ QUYẾT THẮNG"

Stt	Số phòng, ban, đơn vị	Số lượng (tối đa)
I	Đối với các Sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp	
1	Từ 03 đến 05 phòng, ban, đơn vị trực thuộc	01
2	Từ 06 đến 10 phòng, ban, đơn vị trực thuộc	02
3	Từ 11 đến 15 phòng, ban, đơn vị trực thuộc	03
4	Từ 16 đến 20 phòng, ban, đơn vị trực thuộc	04
5	Từ 21 đến 25 phòng, ban, đơn vị trực thuộc	05
6	Sở Y tế	10
7	Các doanh nghiệp thành viên (thuộc Khối thi đua các doanh nghiệp do tỉnh quản lý)	06
II	Đối với các huyện, thành phố	
1	Huyện Hoa Lư, Thành phố Tam Điệp	05
2	Huyện Yên Khánh, Yên Mô, Gia Viễn, TP.Ninh Bình	06
3	Huyện Kim Sơn, Nho Quan	07
III	Phong trào thi đua của Lực lượng vũ trang	
1	Phong trào "Thi đua Quyết thắng" của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (nơi không bố trí lực lượng chính quy thường trực)	07
2	Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" của Công an tỉnh (nơi không bố trí lực lượng chính quy thường trực)	15

**PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG
XÉT TẶNG DANH HIỆU "CHIẾN SỸ THI ĐUA CẤP TỈNH",**

Stt	Các đơn vị, địa phương, doanh nghiệp	Số lượng (tối đa)
I	Đối với các Sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp thuộc tỉnh quản lý	
1	Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh	02
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	03
3	Sở Y tế	06
4	Các doanh nghiệp thành viên (thuộc Khối thi đua các doanh nghiệp do tỉnh quản lý)	03
II	Đối với các huyện, thành phố	
1	Huyện Hoa Lư; thành phố Tam Điệp	02
2	06 huyện, thành phố còn lại	03


PHẦN BỐ
SỐ LƯỢNG XÉT TẶNG BẢNG KHEN

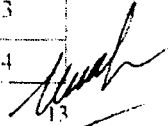
BIỂU SỐ 03

1. Đối với các Khối thi đua của tỉnh

Stt	Các Khối thi đua của tỉnh	Số lượng (tối đa)
1	Khối các cơ quan Đảng	03
2	Khối các huyện, thị xã, thành phố	02
3	Khối các Sở, ban, ngành tham mưu và Quản lý nhà nước về văn hóa, xã hội	02
4	Khối các cơ quan tham mưu, tổng hợp	02
5	Khối các cơ quan Nội chính	02
6	Khối các Sở, ban, ngành Tham mưu và Quản lý nhà nước về kinh tế, kỹ thuật	03
7	Khối Ngân hàng - Bảo hiểm	03
8	Khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội	02
9	Khối các Doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh	03
10	Khối các Doanh nghiệp địa phương quản lý	03
11	Khối các Trường Đại học, Cao đẳng	02
12	Khối các Hội có tính chất đặc thù	03
13	Khối các tổ chức xã hội khác	03
14	Khối các Hợp tác xã Nông nghiệp	15
15	Khối các Hợp tác xã Phi Nông nghiệp	08

2. Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân

Stt	Bảng khen tặng cho tập thể		Bảng khen tặng cho cá nhân	
	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc	Số lượng (tối đa)	Số lượng biên chế của cơ quan, đơn vị	Số lượng (tối đa)
I	Đối với các, Sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp			
1	Từ 03 đến 05 phòng	01	Từ 15 biên chế trở xuống	01
2	Từ 06 đến 10 phòng	02	Từ 16 đến 30 biên chế	02
3	Từ 11 đến 15 phòng	03	Từ 31 đến 45 biên chế	03
4	Từ 16 đến 20 phòng	04	Từ 46 đến 60 biên chế	04


 13

5	Từ 21 đến 25 phòng	05	Từ 61 đến 90 biên chế	05
			Từ 91 đến 120 biên chế	06
			Từ 121 đến 150 biên chế	07
			Từ 151 đến 200 biên chế	08
			Từ 201 đến 250 biên chế	09
			Từ 251 đến 300 biên chế trở lên	10
6	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	05	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	11
7	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	05	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	13
8	Sở Nông nghiệp & PTNT	05	Sở Nông nghiệp & PTNT	15
9	Sở Y tế	09	Sở Y tế	25
10	<p><i>Lưu ý:</i> Các Doanh nghiệp căn cứ vào số lượng chỉ tiêu lao động và số phòng, ban tương đương như mục 1 đến mục 5 nêu trên để các doanh nghiệp làm căn cứ bình xét khen thưởng. Trường hợp vượt quá chỉ tiêu lao động và số phòng, ban tương đương nêu tại mục 1 đến 5 thì số lượng được áp dụng tối đa không quá 07 tập thể và 12 cá nhân.</p>			
II Đối với các huyện, thành phố				
1	Huyện Hoa Lư, Thành phố Tam Điệp	06	Huyện Hoa Lư, Thành phố Tam Điệp	07
2	Huyện Yên Khánh, huyện Yên Mô, Huyện Gia Viễn, T.P Ninh Bình	07	Huyện Yên Khánh, Yên Mô, Gia Viễn, Thành phố Ninh Bình	09
3	Huyện Nho Quan, Huyện Kim Sơn	08	Huyện Nho Quan, Huyện Kim Sơn	12
III Phong trào thi đua của Lực lượng vũ trang				
1	Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" và "Vi an ninh Tổ quốc" của Công an tỉnh	10	Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" và "Vi an ninh Tổ quốc" của Công an tỉnh	10
2	Phong trào thi đua Quyết thắng của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (cho lực lượng dân quân tự vệ xã, phường, thị trấn, bảo vệ cơ quan doanh nghiệp)	10	Phong trào thi đua Quyết thắng của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (cho lực lượng dân quân tự vệ xã, phường, thị trấn, bảo vệ cơ quan doanh nghiệp)	10
3	Phong trào thi đua Quyết thắng của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (cho lực lượng thường trực, chính quy)	10	Phong trào thi đua Quyết thắng của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (cho lực lượng thường trực, chính quy)	10
4	Phong trào thi đua Quyết thắng của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng	05	Phong trào thi đua Quyết thắng của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng	10

Chú ý: Số lượng Bảng khen cho cá nhân được tính theo số biên chế căn bộ, công chức, viên chức, có mặt tại thời điểm bình xét.

**PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG
XÉT TẶNG CÁC ĐƠN VỊ THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Stt	Tên đơn vị	Xếp hạng	Số lượng khen thưởng (tối đa)			
			Tập thể LDXS	Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh	Bảng khen Chủ tịch UBND tỉnh	
					Tập thể	Cá nhân
1	Huyện Nho Quan Huyện Kim Sơn	Xếp: 1; 2	07	04	05	10
2		Xếp: 3; 4; 5	07	03	04	09
3		Xếp: 6; 7; 8	06	02	04	08
4	Huyện Gia Viễn	Xếp: 1; 2	07	03	04	09
5	Huyện Yên Khánh Huyện Yên Mô	Xếp: 3; 4; 5	06	02	03	08
6	Thành phố Ninh Bình	Xếp: 6; 7; 8	05	02	03	07
7	Huyện Hoa Lư Thành phố Tam Điệp	Xếp: 1; 2	05	02	03	07
8		Xếp: 3; 4; 5	04	02	02	07
9		Xếp: 6; 7; 8	03	01	02	06
10	Sở Giáo dục và Đào tạo		07	06	10	19
11	Trường Đại học Hoa Lư		03	02	02	05
12	Trường Cao đẳng Y tế Ninh Bình		02	02	02	05
13	Trường Cao đẳng nghề Lilama 1				02	03
14	Trường Cao đẳng nghề Cơ điện xây dựng Việt Xô				02	04
15	Trường Cao đẳng nghề Cơ giới Ninh Bình				02	04

Ghi chú: Vị trí xếp hạng thi đua của các Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố do Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.